

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

---

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2015.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Văn Chương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trường	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên
Ông Phạm Quý Hồng	Thành viên
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Vũ Quang Hải	Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quý Hồng	Phó Tổng Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**



---

**Vũ Quang Hải**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2015*



Số: 414 -15/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỡ**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỡ (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỡ giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



**Nguyễn Thị Hồng Vân**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>82.907.830.356</b>	<b>79.243.542.924</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>6.597.183.060</b>	<b>8.512.768.173</b>
1. Tiền	111		3.797.183.060	2.012.768.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.800.000.000	6.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.878.935.725</b>	<b>16.111.643.998</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	17.905.420.895	15.188.256.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	261.245.000	118.165.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	357.918.188	1.442.911.994
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(645.648.358)	(637.689.554)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>57.559.626.456</b>	<b>54.052.041.897</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5.	57.559.626.456	54.052.041.897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>872.085.115</b>	<b>567.088.856</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		872.085.115	567.088.856
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>5.390.122.854</b>	<b>6.391.133.539</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.826.155.622</b>	<b>6.137.392.158</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	3.826.155.622	4.704.871.629
- Nguyên giá	222		35.207.639.539	35.240.705.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.381.483.917)	(30.535.833.610)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	1.432.520.529
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	4.719.731.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(3.287.210.501)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.625.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	-	2.625.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.563.967.232</b>	<b>251.116.381</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	1.563.967.232	251.116.381
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>88.297.953.210</b>	<b>85.634.676.463</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>38.110.193.533</b>	<b>31.236.338.153</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.110.193.533</b>	<b>31.236.338.153</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	11.070.302.454	1.136.424.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	17.024.514	1.081.231.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	375.525.530	293.948.358
4. Phải trả người lao động	314		1.404.786.216	2.732.685.795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	76.750.000	161.812.597
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	4.150.382.733	470.879.960
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9.	20.296.105.863	24.750.132.099
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		719.316.223	609.224.279
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>50.187.759.677</b>	<b>54.398.338.310</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16.</b>	<b>49.456.765.639</b>	<b>53.667.344.272</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.639.600.000	39.639.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.639.600.000	39.639.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.760.194.445	6.276.128.505
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.056.971.194	7.751.615.767
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>730.994.038</b>	<b>730.994.038</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.17.	730.994.038	730.994.038
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>88.297.953.210</b>	<b>85.634.676.463</b>

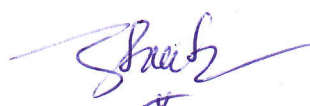
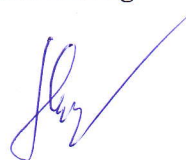
Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đỗ Hồng Hạnh

Lê Thị Mai Hương

Vũ Quang Hải

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	52.244.217.890	72.448.961.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	136.796.843	135.029.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		52.107.421.047	72.313.931.825
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	35.924.072.324	50.122.468.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.183.348.723	22.191.463.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	37.429.725	57.070.559
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	733.840.465	720.385.794
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		616.066.301	500.921.866
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	7.213.654.045	9.773.871.864
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	4.950.841.569	5.829.238.476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		3.322.442.369	5.925.037.546
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	549.091	15.636.619
12. Chi phí khác	32	VI.7.	10.000.000	-
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(9.450.909)	15.636.619
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.312.991.460	5.940.674.165
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	751.518.121	1.327.408.316
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.561.473.339	4.613.265.849
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	646	1.164
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Hồng Hạnh

Lê Thị Mai Hương

Vũ Quang Hải

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.742.430.708	76.384.692.046
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.672.175.485)	(67.915.436.411)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.070.045.701)	(5.326.769.463)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(604.171.946)	(390.238.103)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(635.489.618)	(1.605.145.806)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.745.305.758	2.207.009.421
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.458.246.329)	(6.087.130.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.047.607.387</b>	<b>(2.733.018.566)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.229.500)	(431.167.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.231.771	57.028.909
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>31.002.271</b>	<b>(374.138.091)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		21.893.058.603	42.156.619.707
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.975.960.716)	(37.952.978.604)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.911.362.550)	(6.123.502.860)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.994.264.663)</b>	<b>(1.919.861.757)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.915.655.005)</b>	<b>(5.027.018.414)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.512.768.173</b>	<b>9.767.752.775</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		69.892	39.326
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>6.597.183.060</b>	<b>4.740.773.687</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Hồng Hạnh

Lê Thị Mai Hương



Vũ Quang Hải

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103003456 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003. Công ty đã có 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 25 tháng 9 năm 2012 thì vốn điều lệ của Công ty là **39.639.600.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh và cho thuê kho bãi chứa dung môi, dầu gốc;
- Dịch vụ nhập ủy thác và tạm nhập tái xuất;
- Kinh doanh, sửa chữa ô tô, thiết bị máy móc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hóa dầu;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Sản xuất - kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng./.

Trụ sở công ty: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

##### ***Thông tin về chi nhánh***

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ

Địa chỉ: 506/11/19 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 4, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Mã số chi nhánh: 0101438047-001

1012  
CỔ  
KHO  
EM T  
VI  
G



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu cho kỳ hoạt động tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Công ty cũng lập BCTC giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 hàng năm

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

#### Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

##### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
  - + Công ty đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả:
  - + Công ty đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản khác	03

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chuyên giao công nghệ

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

#### Loại tài sản cố định

#### Thời gian khấu hao (Năm)

Chuyên giao công nghệ

5 - 6

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí đặt quyền thuê đất, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản phải trả người bán được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản phải trả khách hàng có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô công bố tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty đã tiến hành đối chiếu số dư công nợ phải trả người bán đến từng đối tượng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản Chi phí quan trắc phân tích môi trường lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và lập đề án bảo vệ môi trường, thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo. Cơ sở xác định của các khoản chi phí trích trước là hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá sản phẩm từ dầu nhờn, dầu bôi trơn, phụ gia....

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay,...

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### 14. Nguyên tắc chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 15.1 Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền	3.797.183.060	2.012.768.173
Tiền mặt	144.512.570	201.272.635
- Văn phòng Công ty	84.187.545	72.386.328



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Chi nhánh	60.325.025	128.886.307
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>3.652.670.490</b>	<b>1.811.495.538</b>
<b>Văn phòng</b>	<b>2.516.351.678</b>	<b>1.441.937.673</b>
<b>Tiền VND</b>	<b>2.512.712.240</b>	<b>1.438.249.630</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	2.511.811.240	1.437.282.630
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	901.000	967.000
<b>Tiền USD</b>	<b>3.639.438</b>	<b>3.688.043</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	3.639.438	3.688.043
<b>Chi nhánh</b>	<b>1.136.318.812</b>	<b>369.557.865</b>
<b>Tiền VND</b>	<b>1.136.318.812</b>	<b>369.557.865</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam	1.136.318.812	369.557.865
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.800.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
<b>Tại Văn phòng Công ty</b>	<b>2.800.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
Tiền gửi VND Ngân hàng ĐT&PT VN - CN Thành Đô (*)	2.800.000.000	6.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.597.183.060</b>	<b>8.512.768.173</b>

Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thành Đô (\*); kỳ hạn: 01 tháng, lãi suất: 4,5%/năm theo hợp đồng tiền gửi số 150615/HĐTG/TĐ-APP ngày 15/6/2015 và hợp đồng tiền gửi số 02062015/HĐTG/TĐ-APP ngày 02/6/2015.

**2. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>17.905.420.895</b>	<b>15.188.256.058</b>
Công ty TNHH một thành viên Apatít Việt Nam	1.624.650.060	1.782.561.990
CN Công ty CP ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên	1.494.779.200	626.752.480
CN Công ty CP Vật tư-TKV-XN Vật tư Cẩm Phả	684.960.634	-
Công ty TNHH dầu khí Thiên Nga	683.797.976	883.611.972
Công ty TNHH TM và DV Anh Phúc	586.676.190	775.545.046
Đối tượng khác	12.830.556.835	11.119.784.570
<b>Cộng</b>	<b>17.905.420.895</b>	<b>15.188.256.058</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trung tâm Quan trắc Môi trường	76.000.000	76.000.000
Công ty CP Thiết bị điện ACE	66.000.000	-
Công ty CP PT Dầu khí và Công nghệ Môi trường VN	56.837.000	-
Công ty CP Truyền thông và Lữ hành Đất Việt	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Greenhouses Việt Nam	-	38.065.500

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đối tượng khác			12.408.000	4.100.000
<b>Cộng</b>	<b>261.245.000</b>		<b>118.165.500</b>	
<b>4. Phải thu khác</b>	<b>357.918.188</b>		<b>1.442.911.994</b>	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>108.096.188</b>		<b>1.392.911.994</b>	
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>				
+ Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà (*)	-	-	1.264.838.028	-
+ BHXH nộp thừa	1.058.688	-	1.058.688	-
+ Thuế đất	57.037.500	-	124.312.500	-
+ Lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	2.702.778	-
+ Công ty CP Truyền thông và Lữ hành Đất Việt	50.000.000	-	-	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>249.822.000</b>		<b>50.000.000</b>	
<b>Văn phòng Công ty</b>				
+ Nguyễn Thị Huyền	70.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Thị Tài	35.000.000	-	-	-
+ Trương Ngọc Hân	20.000.000	-	-	-
+ Vũ Quý Lâm	-	-	50.000.000	-
+ Đối tượng khác	62.600.000	-	-	-
<b>Chi nhánh HCM</b>				
+ Nguyễn Xuân Tâm	43.576.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	18.646.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>357.918.188</b>		<b>1.442.911.994</b>	

(\*) Trong kỳ, Công ty đã xử lý khoản phải thu về "Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà" phát sinh từ các năm tài chính trước với giá trị là 1.264.838.028 đồng. Trong đó:

+ Xử lý vào lợi nhuận sau thuế với số tiền 497.051.328 đồng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2015, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2015 và phương án phân chia lợi nhuận theo tờ trình số 20/TTr-PGDĐM ngày 21/4/2015 của Chủ tịch hội đồng quản trị (trong phương án phân chia lợi nhuận chưa nêu rõ dùng số lợi nhuận sau thuế này để bù đắp cho các khoản phải thu về "Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà" nêu trên);

+ Xử lý 464.358.700 đồng vào Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2015 ngày 15/6/2015, Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2014 ngày 29/4/2014, Biên bản họp ngày 26/6/2015 của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty và Giấy đề nghị ngày 29/6/2015 của Chủ tịch Công đoàn về việc hoàn trả số tiền trên bằng quỹ khen thưởng phúc lợi;

+ Thu hồi của một số cá nhân và nhập quỹ tiền mặt của Công ty với giá trị 303.428.000 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Hàng tồn kho	30/06/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.847.211.318	-	34.830.001.114	-
Công cụ, dụng cụ	456.364.972	-	184.159.502	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.185.296.320	-	1.774.717.423	-
Thành phẩm	17.069.690.209	-	17.260.027.221	-
Hàng hóa	1.063.637	-	3.136.637	-
<b>Cộng</b>	<b>57.559.626.456</b>	<b>-</b>	<b>54.052.041.897</b>	<b>-</b>

6. Tài sản dở dang dài hạn	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	2.625.000
Máy lọc nước	-	2.625.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.625.000</b>

7. Chi phí trả trước	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	<i>1.563.967.232</i>	<i>251.116.381</i>
Công cụ dụng cụ	94.120.649	224.751.048
Bảo hiểm cháy nổ	56.175.000	24.333.333
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đất Phú Thị	1.413.671.583	-
Các khoản khác	-	2.032.000
<b>Cộng</b>	<b>1.563.967.232</b>	<b>251.116.381</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thứ, xã Phú Thứ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2015	9.904.828.664	19.127.273.454	6.006.219.567	202.383.554	35.240.705.239
Mua trong năm	-	41.075.000	-	-	41.075.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(74.140.700)	(74.140.700)
Số dư ngày 30/06/2015	9.904.828.664	19.168.348.454	6.006.219.567	128.242.854	35.207.639.539
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2015	8.375.789.164	17.313.381.656	4.648.009.790	198.653.000	30.535.833.610
Khấu hao trong kỳ	214.458.814	342.891.835	358.709.804	3.730.554	919.791.007
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(74.140.700)	(74.140.700)
Số dư ngày 30/06/2015	8.590.247.978	17.656.273.491	5.006.719.594	128.242.854	31.381.483.917
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	1.529.039.500	1.813.891.798	1.358.209.777	3.730.554	4.704.871.629
Tại ngày 30/06/2015	1.314.580.686	1.512.074.963	999.499.973	-	3.826.155.622

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.037.279.618 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.784.221.297 VND



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 09a - DN

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thứ, xã Phú Thứ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Vay và nợ thuê tài chính****a. Các khoản vay**

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
						VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.296.105.863</b>	<b>20.296.105.863</b>	<b>44.979.838.883</b>	<b>49.433.865.119</b>	<b>24.750.132.099</b>	<b>24.750.132.099</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	17.973.245.864	17.973.245.864	38.823.076.583	41.599.970.531	20.750.139.812	20.750.139.812
Vay cán bộ nhân viên (ii)	2.322.859.999	2.322.859.999	6.156.762.300	7.833.894.588	3.999.992.287	3.999.992.287
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.296.105.863</b>	<b>20.296.105.863</b>	<b>44.979.838.883</b>	<b>49.433.865.119</b>	<b>24.750.132.099</b>	<b>24.750.132.099</b>

(i) Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/40407/HĐTD ngày 26/06/2014. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay và lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất và máy móc thiết bị tại khu Công nghiệp Phú Thứ; máy móc thiết bị dự án Hải Phòng, tài sản và máy móc thiết bị tại văn phòng ở Hà Nội và hàng tồn kho luân chuyển.

(ii) Vay cán bộ nhân viên công ty, các khoản vay có thể tự gia hạn từng năm một. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất 7%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chuyển giao công nghệ	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2015	1.809.499.610	2.910.231.420	4.719.731.030
Giảm khác	(1.809.499.610)	-	(1.809.499.610)
Số dư ngày 30/06/2015	-	2.910.231.420	2.910.231.420
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2015	376.979.081	2.910.231.420	3.287.210.501
Khấu hao trong năm	18.848.946	-	18.848.946
Giảm khác	(395.828.027)	-	(395.828.027)
Số dư ngày 30/06/2015	-	2.910.231.420	2.910.231.420
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.432.520.529	-	1.432.520.529
Tại ngày 30/06/2015	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.910.231.420 VND

**11. Phải trả người bán**

	30/06/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>11.070.302.454</b>	<b>11.070.302.454</b>	<b>1.136.424.025</b>	<b>1.136.424.025</b>
DUCAT Chemical Co.,Ltd	6.979.335.224	6.979.335.224	-	-
Champoil oil and Chemical Co., Ltd	2.758.544.811	2.758.544.811	-	-
Gandhar Oil Refinery India Ltd	766.451.268	766.451.268	-	-
CN DNTN Sản xuất Hoàng Nguyên	90.674.672	90.674.672	192.485.756	192.485.756
Công ty TNHH TM Nam Hải	72.111.479	72.111.479	164.560.000	164.560.000
Công ty TNHH TM XD Vận tải Thành Đạt Phát	158.389.000	158.389.000	133.787.500	133.787.500
Các đối tượng khác	244.796.000	244.796.000	645.590.769	645.590.769
<b>Cộng</b>	<b>11.070.302.454</b>	<b>11.070.302.454</b>	<b>1.136.424.025</b>	<b>1.136.424.025</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
HTX Thương mại Quyết Tiến	15.541.520	-
Cửa hàng phụ tùng xe máy Khoa Đào	-	754.723.669
Thảo Chân	-	261.713.760



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH VTTB Hồng Phát	-	63.294.000
Đối tượng khác	1.482.994	1.499.611
<b>Cộng</b>	<b>17.024.514</b>	<b>1.081.231.040</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2015
Thuế GTGT đầu ra	120.817.014	1.072.945.514	1.101.879.714	91.882.814
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.027.766.059	1.027.766.059	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.911.574	751.518.121	635.489.618	255.940.077
Thuế thu nhập cá nhân	5.517.131	114.270.311	119.787.442	-
Thuế khác	27.702.639	871.494.100	871.494.100	27.702.639
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>293.948.358</b>			<b>375.525.530</b>

**14. Chi phí phải trả**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>76.750.000</b>	<b>76.750.000</b>	<b>161.812.597</b>	<b>161.812.597</b>
Chi phí lãi vay phải trả	-	-	33.193.506	33.193.506
Chi phí điện nước	-	-	51.869.091	51.869.091
Chi phí quan trắc phân tích môi trường lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và lập đề án bảo vệ môi trường	76.750.000	76.750.000	76.750.000	76.750.000
<b>Cộng</b>	<b>76.750.000</b>	<b>76.750.000</b>	<b>161.812.597</b>	<b>161.812.597</b>

**15. Phải trả khác**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.150.382.733</b>	<b>4.150.382.733</b>	<b>470.879.960</b>	<b>470.879.960</b>
- Kinh phí công đoàn	21.454.134	21.454.134	63.911.500	63.911.500
- Bảo hiểm xã hội	128.008.654	128.008.654	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.936.382.050	3.936.382.050	298.200.600	298.200.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.537.895	64.537.895	108.767.860	108.767.860
<b>Cộng</b>	<b>4.150.382.733</b>	<b>4.150.382.733</b>	<b>470.879.960</b>	<b>470.879.960</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>39.639.600.000</b>	<b>8.247.113.622</b>	<b>47.886.713.622</b>	
Lãi trong năm trước	-	7.894.140.974	7.894.140.974	
Phân phối lợi nhuận	-	(8.389.638.829)	(8.389.638.829)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>39.639.600.000</b>	<b>7.751.615.767</b>	<b>47.391.215.767</b>	
Lãi trong kỳ này	-	2.561.473.339	2.561.473.339	
Phân phối lợi nhuận	-	(7.256.117.912)	(7.256.117.912)	
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>39.639.600.000</b>	<b>3.056.971.194</b>	<b>42.696.571.194</b>	

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn Nhà Nước	-	17.544.460.000
Vốn các cổ đông khác	39.639.600.000	22.095.140.000
<b>Cộng</b>	<b>39.639.600.000</b>	<b>39.639.600.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>39.639.600.000</b>	<b>39.639.600.000</b>
Vốn góp đầu năm	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	-	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>5.549.544.000</b>	<b>6.342.336.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.963.960	3.963.960
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu phổ thông	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu phổ thông	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

e) Các quỹ của Công ty

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2015
Quỹ đầu tư phát triển	6.276.128.505	484.065.940	-	6.760.194.445
<b>Cộng</b>	<b>6.276.128.505</b>	<b>484.065.940</b>	<b>-</b>	<b>6.760.194.445</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

17. Nguồn kinh phí	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	730.994.038	730.994.038
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	730.994.038	730.994.038

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.244.217.890	72.448.961.577
<b>Cộng</b>	<b>52.244.217.890</b>	<b>72.448.961.577</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	136.796.843	135.029.752
<b>Cộng</b>	<b>136.796.843</b>	<b>135.029.752</b>

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.924.072.324	48.255.319.615
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	1.867.149.089
<b>Cộng</b>	<b>35.924.072.324</b>	<b>50.122.468.704</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.528.993	57.031.233
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.900.732	39.326
<b>Cộng</b>	<b>37.429.725</b>	<b>57.070.559</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền vay	616.066.301	500.921.866
Chênh lệch tỷ giá	117.774.164	219.463.928
<b>Cộng</b>	<b>733.840.465</b>	<b>720.385.794</b>

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	454.545	-
Tiền phạt thu được	-	11.828.753
Các khoản khác	94.546	3.807.866
<b>Cộng</b>	<b>549.091</b>	<b>15.636.619</b>

**7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực PCCC	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<i>a, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
<i>- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.059.055.141	2.059.055.141
Chi phí bằng tiền khác	1.654.692.240	238.253.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	857.447.934	3.128.479.467



**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác**

Chi phí khấu hao TSCĐ	306.627.625	303.786.218
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.272.553	82.917.488
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	7.746.076	11.747.000
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.950.841.569</b>	<b>5.829.238.476</b>

**b, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

**- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng**

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.625.187.402	5.067.447.108
Chi phí bằng tiền khác	2.419.598.317	1.944.151.683
Chi phí nhân viên	1.804.381.668	2.438.321.357
<b>- Các khoản chi phí bán hàng khác</b>		
Chi phí khấu hao TSCĐ	292.850.363	218.779.022
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	66.749.952	27.807.911
Chi phí vật liệu, bao bì	4.886.343	77.364.783
<b>Cộng</b>	<b>7.213.654.045</b>	<b>9.773.871.864</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	52.145.399.863	72.386.639.003
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	48.832.408.403	66.445.964.838
Chi phí bị loại khi tính thuế	103.000.000	89.699.955
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.415.991.460	6.030.374.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	751.518.121	1.326.682.306
Các khoản điều chỉnh thuế năm trước	-	726.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	751.518.121	1.327.408.316

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	41.888.220.330	62.257.361.030
Chi phí nhân công	4.598.647.023	6.150.400.229
Chi phí khấu hao	938.639.953	1.115.440.935
Chi phí mua ngoài	3.981.255.640	143.415.702
Chi phí bằng tiền khác	4.446.333.811	10.561.066.230
<b>Cộng</b>	<b>55.853.096.757</b>	<b>80.227.684.126</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.561.473.339	4.613.265.849
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.561.473.339	4.613.265.849
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.963.960	3.963.960
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	646	1.164

**12. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.9, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.597.183.060	8.512.768.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.617.690.725	15.993.478.498
<b>Cộng</b>	<b>24.214.873.785</b>	<b>24.506.246.671</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	20.296.105.863	24.750.132.099
Phải trả người bán và phải trả khác	15.220.685.187	1.607.303.985
Chi phí phải trả	76.750.000	161.812.597
<b>Cộng</b>	<b>35.593.541.050</b>	<b>26.519.248.681</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/6/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đòi hỏi với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/6/2015 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	3.639.438	3.688.043

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>30/06/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	15.220.685.187	-	<b>15.220.685.187</b>
Chi phí phải trả	76.750.000	-	<b>76.750.000</b>
Các khoản vay	20.296.105.863	-	<b>20.296.105.863</b>
<b>01/01/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	1.607.303.985	-	<b>1.607.303.985</b>
Chi phí phải trả	161.812.597	-	<b>161.812.597</b>
Các khoản vay	24.750.132.099	-	<b>24.750.132.099</b>

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.597.183.060	-	<b>6.597.183.060</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.617.690.725	-	<b>17.617.690.725</b>
<b>01/01/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.512.768.173	-	<b>8.512.768.173</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.993.478.498	-	<b>15.993.478.498</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND</b>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:</b>	
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	21.893.058.603
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	27.975.960.716



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VIII Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**Thu nhập của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lương	519.817.300
Cộng	<u>519.817.300</u>

**3. Thông tin so sánh**

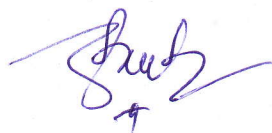
Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.392.911.994	50.000.000	1.442.911.994
Tài sản ngắn hạn khác	50.000.000	(50.000.000)	-
Vay và nợ ngắn hạn	24.750.132.099	(24.750.132.099)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	24.750.132.099	24.750.132.099
Quỹ đầu tư phát triển	4.842.536.258	1.433.592.247	6.276.128.505
Quỹ dự phòng tài chính	1.433.592.247	(1.433.592.247)	-

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập



Đỗ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Thị Mai Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải